TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **251**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2023.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**.
2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 2004.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

Chổ ở hiện nay: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

-Bị đơn: Võ Đại Â, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp Thuận T, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Â vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Võ Đại Â sống chung với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 13/9/2022. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng kéo dài, không thể hàn gắn lại được. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh Võ Đại Â.

Về con chung: có 01 chung tên Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022, hiện nay đang sống chung với chị P, khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con với mức cấp

dưỡng theo quy định pháp luật là 745.000đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng), cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Đại Â vắng mặt, anh Â mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Â vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh Â. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Â cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Đại Â đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P, anh Â.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Võ Đại Â sống chung với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 13/9/2022. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Anh Ân đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cho thấy anh Â không có mong muốn hàn gắn lại tình cảm với chị P, nên việc chị P yêu cầu ly hôn với anh Â là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Có 01 con chung gồm Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022. Hiện nay con chung Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022 đang sống chung với chị P nên việc chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng: Anh Â có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022 cấp dưỡng hàng tháng, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000 đồng/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng), cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

[6]. Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với anh Võ Đại Â.

- Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022 cho chị Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022 tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Võ Đại Â có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung Võ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 01/12/2022 hàng tháng, với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000 đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng/tháng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0027159 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cấn trừ xem như chị Phụng đã nộp xong án phí. Anh Võ Đại Â phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thanh Trinh